



fǔ zi
斧子

Noun · Axe

Example Sentences

zhè shì yī bǎ fǔ zi
这是一把斧子。

This is an axe.

tā yòng fǔ zi kǎn chái
他用斧子砍柴。

He uses an axe to chop firewood.

zhè bǎ fǔ zi de dāo rèn hěn fēng lì shì hé pī mù tóu
这把斧子的刀刃很锋利，适合劈木头。

The blade of this axe is very sharp, suitable for splitting wood.

Trace each character, then write the word on your own.

斧	斧	斧	斧	斧	斧	斧	斧	斧	斧	斧
子	子	子	子	子	子					